TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2022/DS-PT
Ngày: 26-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Tuấn

Bà Lê Thị Kim Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022, về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2022/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 136/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1970 (có mặt);

2.2. Ông Phan Ngọc S, sinh năm 1967 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số B, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị N, ông Phan Ngọc S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/5/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Ngày 30/02/2019, bà H cho vợ chồng bà N và ông S vay số tiền 800.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 8,5%/năm, bà N viết biên nhận ông S ký tên, có nói miệng hẹn đến mùa lúa trả nhưng không trả. Nay bà yêu cầu bà N và ông S trả 800.000.000đồng và trả lãi 8,5%/năm tính từ ngày 30/02/2019 đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Lê Thị N, ông Phan Ngọc S thống nhất trình bày: Bà N và ông S thừa nhận biên nhận nợ ngày 30/02/2019 do bà N viết và bà N, ông S ký tên, nhưng do làm ăn thua lỗ nên không trả được cho bà H. Nay bà N và ông S đồng ý nợ Hoàng số tiền 800.000.000đồng và hứa khi bán đất sẽ thanh toán số tiền này cho bà H. Bà N, ông S đề nghị trả 800.000.000đồng tiền nợ gốc cho bà H và không đồng ý trả tiền lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi suất, cụ thể bà yêu cầu bà N, ông S có nghĩa vụ trả cho bà tiền lãi với lãi suất là 8%/năm tương đương 0,66%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2022/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T đã tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

1. Buộc bà Lê Thị N và ông Phan Ngọc S có nghĩa vụ trả bà Lê Thị H tiền gốc và lãi, tổng cộng 980.248.640đồng (Chín trăm tám mươi triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Lê Thị N và ông Phan Ngọc S phải chịu 41.407.460đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án.

Ngày 14/3/2022 bà Lê Thị N và ông Phan Ngọc S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đồng ý trả tiền nợ gốc cho bà H là 800.000.000đồng nhưng đề nghị được trả dần cho đến khi hết nợ và không đồng ý trả tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, bà N, ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được trả dần số tiền 800.000.000đồng cho bà H theo phương thức trả dần và không đóng trả tiền lãi như yêu cầu của nguyên đơn vì trước đây nhiều năm bà N, ông S đã đóng tiền lãi cho bà H nhiều rồi.

Phần tranh luận:

Bà N, ông S xin được trả dần và và xin không trả tiền lãi.

Bà H không đồng ý cho bà N ông S trả dần và cũng không đồng ý giảm lãi.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kháng cáo của bị đơn bà N, ông S đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Bà N, ông S kháng cáo xin được trả dần tiền nợ gốc và xin không đóng tiền lãi nhưng không được bà H đồng ý nên không thể xem xét. Mặt khác, pháp luật cũng không có quy định về việc trả dần. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà N, ông S đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị N, ông Phan Ngọc S đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị N và ông Phan Ngọc S:

[2.1]. Bà N, ông S kháng cáo yêu cầu được trả dần số tiền nợ gốc 800.000.000đ nhưng không được bà H đồng ý, bà H yêu cầu bà N, ông S trả cho bà H một lần số tiền nợ trên. Xét thấy, tại biên nhận nợ ngày 22/02/2019 không thỏa thuận việc trả dần tiền nợ. Quá trình giải quyết vụ án các bên cũng không thỏa thuận với nhau về trả dần số tiền nợ và pháp luật cũng không quy định về việc trả dần tiền nợ. Do đó, kháng cáo của bà N, ông S là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Bà N, ông S không đồng ý với việc trả lãi. Xét, tại biên nhận mượn tiền được bà N, ông S lập ngày 30/02/2019 âm lịch tương ứng với ngày 04/4/2019 dương lịch. Bà N, ông S xác định nội dung biên nhận nợ có đoạn ghi

là: "*800 triệu 01 tháng trả góp lần lần*" nghĩa là bà N, ông S cam kết trả dần 800.000.00đồng mỗi tháng cho bà H. Tuy nhiên, đến nay bà N, ông S thừa nhận vẫn còn nợ bà H số tiền 800.000.000đồng chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với bà H, nên bà H yêu cầu bà N, ông S có nghĩa vụ trả tiền lãi cho bà với lãi suất là 8%/năm là phù hợp và không vượt quá lãi suất suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Về thời gian tính lãi: Các đương sự thống nhất thời hạn vay là 1 tháng bà N sẽ trả dần. Tuy nhiên đến hạn bà N không trả do đó thời gian bà N vi phạm hợp đồng là từ ngày 04/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/02/2022 là 33 tháng 24 ngày với mức lãi suất 0,6666%/tháng, cụ thể: 800.000.000đồng x 0,6666%/tháng x 33 tháng 24 ngày = 180.248.640đồng tiền lãi. Từ nhận định trên buộc bà N và ông S có nghĩa vụ trả bà H tiền nợ gốc 800.000.000 đồng và tiền lãi 180.248.640đồng, tổng cộng 980.248.640đồng.

Do đó, bản án sơ thẩm tuyên buộc bà N, ông S có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi trên nợ gốc quá hạn cho bà H là có căn cứ.

[2.3]. Bà N, ông S trình bày đã trả tiền lãi nhiều lần cho bà H nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N, ông S không cung cấp được chứng chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình nên không có cơ sở xác định bà N, ông S đã trả tiền lãi cho bà H.

[2.4] Từ những nhận định trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà N, ông S, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo Điều 148 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N và ông Phan Ngọc S.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 07/2022/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Căn cứ các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

1. Buộc bà Lê Thị N và ông Phan Ngọc S có nghĩa vụ trả bà Lê Thị H tiền gốc và lãi, tổng cộng 980.248.640đồng (Chín trăm tám mươi triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị N và ông Phan Ngọc S phải chịu 41.407.460đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị N, ông Phan Ngọc S mỗi người phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0004210 và 0004212 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

4. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thanh;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Phúc

Các thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Minh Tuấn – Lê Thị Kim Nga **Trịnh Thị Phúc**